

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

- Căn cứ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình ngày 10/4/2019 giữa Ban QLDA phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi huyện Ấn Thi với các nhà thầu thi công, giám sát và các đơn vị liên quan;

- Căn cứ Báo cáo số 236/HĐ-2019 ngày 01/4/2019 của Liên danh Công ty CPXD Đê Kè và PTNT Hải Dương và Công ty CPXD cây xanh Hà Đô về việc báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình;

- Căn cứ các Báo cáo của Liên danh Công ty CP tư vấn đầu tư Phát triển và Xây dựng hạ tầng và Công ty cổ phần tư vấn Xây dựng và Môi trường Đô Thị: Số 304/BC-TVGS ngày 03/4/2019; số 15.9/BC-TVGS về báo cáo giám sát thi công xây dựng công trình;

- Căn cứ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt;

- Căn cứ hồ sơ quản lý chất lượng xây dựng công trình;

- Căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh.

Ủy ban nhân dân huyện Ấn Thi báo cáo kết quả hoàn thành thi công xây dựng công trình với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi huyện Ấn Thi tỉnh Hưng Yên (Gói thầu số 01 và Gói thầu số 02).

+ Nhóm dự án: Nhóm B.

+ Loại cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công trình thủy lợi - Cấp III.

2. Địa điểm xây dựng công trình: Huyện Ấn Thi, tỉnh Hưng Yên.

3. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách: Hoàng Văn Thuấn, phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện; số điện thoại: 09.83.95.96.97.

4. Nội dung, quy mô đầu tư xây dựng công trình

4.1. Quy mô đầu tư

+ Công trình thủy lợi - Cấp III.

+ Mức đảm bảo tưới thiết kế: P= 85%

4.1.1. Gói thầu số 1: Thi công xây lắp kênh tưới chính các trạm bơm: Đồng Vực, Ngọc Châu, Ấp Bắc, Quán Cháo- Cầu Tre và phía đông trạm bơm Đào Xá, kênh tưới tiêu kết hợp T8-3 và T8-3-2, Kênh tưới N2 trạm bơm Ấp Bắc, Kênh tưới N5-2 trạm bơm Ấp Bắc.

a) Kênh tưới chính trạm bơm chính:

* Kênh tưới chính trạm bơm Áp Bắc:

Công trình	L (m)	Q _{tk} (m ³ /s)	Q _{max} (m ³ /s)	m	n	i (%)	B _{tk} (m)	H _{tk} (m)
Kênh chính Áp Bắc	2286	2.083	2.50	1.5	0.017	2.10 ⁻⁴	4.0	1.8

* Kênh tưới tiêu T8-3:

Công trình	L (m)	Q _{tk} (m ³ /s)	Q _{max} (m ³ /s)	m	n	i (%)	B _{tk} (m)	H _{tk} (m)
Kênh tưới tiêu T8-3	2552	4.92	5.90	1.5	0.02	1.10 ⁻⁴	Thay đổi	3.5

* Kênh tưới tiêu T8-3-2:

Công trình	L (m)	Q _{tk} (m ³ /s)	Q _{max} (m ³ /s)	m	n	i (%)	B _{tk} (m)	H _{tk} (m)
Kênh tưới tiêu T8-3-2	535	1.16	1.35	1.5	0.02	1.10 ⁻⁴	2.0	3.0

b) Kênh tưới chính trạm bơm nhỏ và kênh cấp 2:

* Kênh tưới:

Công trình	L (m)	Q _{tk} (m ³ /s)	Q _{max} (m ³ /s)	m	n	i (%)	B _{tk} (m)	H _{tk} (m)
Kênh tưới cấp 2 N2- TB Áp Bắc	1034	0.694	0.832	0.0	0.015	2.10 ⁻⁴	1.3	1.2
Kênh tưới cấp 2 N5- TB Áp Bắc	2000	0.694	0.832	0.0	0.015	2.10 ⁻⁴	1.3	1.2
Kênh tưới TB Đồng Vực	1000	0.39	0.468	0.0	0.015	2.10 ⁻⁴	1.1	1.1
Kênh tưới TB Đào Xá	930	0.39	0.468	0.0	0.015	2.10 ⁻⁴	1.1	1.1
Kênh tưới TB Ngọc Châu	1100	0.39	0.468	0.0	0.015	2.10 ⁻⁴	1.1	1.1
Kênh tưới TB Quán Cháo- Cầu Tre	1370	0.583	0.7	0.0	0.015	2.10 ⁻⁴	1.2	1.2

4.1.2. Gói thầu số 2: Kênh tưới chính trạm bơm Ninh Đạo, Kênh dẫn nước trạm bơm Vũ Dương; kênh tưới tiêu kết hợp T3 và kênh tiêu T2 trạm bơm Tam Đô và các công trình trên kênh.

a) Kênh chính trạm bơm chính:

* Kênh tiêu T2 trạm bơm Tam Đô:

Công trình	L (m)	Q _{tk} (m ³ /s)	Q _{max} (m ³ /s)	m	n	i (%)	B _{tk} (m)	H _{tk} (m)
Kênh tiêu T2 trạm bơm Tam Đô	2021	4.92	5.90	1.5	0.02	1.10 ⁻⁴	4.0	3.0

* Kênh tưới tiêu T3:

Công trình	L (m)	Q _{tk} (m ³ /s)	Q _{max} (m ³ /s)	m	n	i (%)	B _{tk} (m)	H _{tk} (m)
Từ Quán Bạc về Nhân Lý	900	2.61	3.13	1.5	0.02	1.10 ⁻⁴	Thay đổi	Thay đổi

Từ Nhân Lý về Áp Đạo	1841	5.22	6.26	1.5	0.02	1.10^{-4}		
Từ Áp Đạo về Bích Trảng	2962	6.95	8.34	1.5	0.025	1.10^{-4}		
Từ Quán Bạc về T3 Minh Lý	1580	3.76	4.51	1.5	0.02	2.10^{-4}		

b) Kênh tưới chính trạm bơm nhỏ và kênh cấp 2:

* Kênh tưới chính trạm bơm Ninh Đạo:

Công trình	L (m)	Q _{tk} (m ³ /s)	Q _{max} (m ³ /s)	m	n	i (%)	B _{tk} (m)	H _{tk} (m)
Kênh tưới TB Ninh Đạo	800	0.39	0.468	0.0	0.015	2.10^{-4}	1.1	1.1

* Kênh dẫn nước trạm bơm Vũ Dương:

Công trình	L (m)	Q _{tk} (m ³ /s)	Q _{max} (m ³ /s)	m	n	i (%)	B _{tk} (m)	H _{tk} (m)
Kênh dẫn nước TB Vũ Dương	490	0.78	0.936	1.5	0.02	1.10^{-4}	Thay đổi	Thay đổi

4.2. Giải pháp thiết kế

4.2.1. Bình đồ tuyến: Hướng tuyến cơ bản bám theo tuyến kênh hiện tại, thiết kế điều chỉnh một số đoạn để đảm bảo yếu tố kỹ thuật của cấp kênh và hạn chế công tác giải phóng mặt bằng.

4.2.2. Trắc dọc tuyến: Thiết kế trắc dọc đảm bảo kết cấu kênh và đảm bảo vượt nổi phù hợp với đầu tuyến, cuối tuyến và các kênh ngang.

4.2.3. Trắc ngang tuyến: Mặt cắt ngang một số kênh cố định, một số kênh thay đổi theo bề rộng hiện trạng. Thiết kế đoạn vượt nổi phù hợp, kết hợp thiết kế các giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn.

4.2.4. Kết cấu kênh

a) Các kênh tưới chính các trạm bơm: Đồng Vực, Ngọc Châu, Quán Cháo-Cầu Tre và phía đông trạm bơm Đào Xá, Kênh tưới N2 trạm bơm Áp Bắc, Kênh tưới N5-2 trạm bơm Áp Bắc:

Các kênh đều có mặt cắt hình chữ nhật, thành kênh bằng gạch xây, đáy kênh bằng BT M150 dày 20cm, phía dưới là lớp nilon tái sinh. Trên đỉnh có hệ thống giăng dọc BxH=22x15cm và giăng ngang BxH=15x15cm đều bằng BTCT M200 để tăng cường ổn định kết cấu kênh. Dọc theo chiều dài kênh trung bình 10m cắt 1 khe lún tại đó đặt giấy dầu nhựa đường 03 lớp.

b) Kênh tiêu T2 trạm bơm Tam Đô, Kênh tưới tiêu T3

Kết cấu kênh hình thang, mái kênh gia cố bằng đá xây VXM M100, phía dưới là lớp dăm lót. Dầm khóa chân kênh bằng đá xây VXM M100; phía dưới là cọc tre. Lỗ thoát nước mái bằng ống nhựa PVC D60. Dọc theo chiều dài kênh trung bình 10m cắt 1 khe lún

Riêng kênh T3 đoạn từ Áp Đạo về Bích Trảng chỉ nạo vét không gia cố.

c) Kênh tưới chính trạm bơm Ninh Đạo

Kênh có mặt cắt hình chữ nhật, thành kênh bằng gạch xây, đáy kênh bằng BT M150, phía dưới là lớp nilon tái sinh. Trên đỉnh có hệ thống giăng dọc BxH=22x15cm và giăng ngang BxH=15x15cm đều bằng BTCT M200 để tăng cường ổn định kết kênh. Dọc theo chiều dài kênh trung bình 10m cắt 1 khe lún tại đó đặt giấy dầu nhựa đường 03 lớp

d) Kênh dẫn nước trạm bơm Vũ Dương

Kết cấu kênh hình thang, mái kênh gia cố bằng đá xây VXM M100 phía dưới là lớp dăm lót. Dầm khóa chân bằng đá xây VXM M100 kích thước BxH=0,7x0,7m, phía dưới là cọc tre dài 1,5m. Lỗ thoát nước mái bằng ống nhựa PVC D60 khoảng cách 3m/ống. Dọc theo chiều dài kênh trung bình 10m cắt 1 khe lún.

4.2.5. Chiều dài các tuyến kênh

- * Kênh tưới chính trạm bơm Áp Bắc: L=2286m
- * Kênh tưới tiêu T8-3: L=2552m
- * Kênh tưới tiêu T8-3-2: L=535m
- * Kênh tưới cấp 2 N2-TB Áp Bắc: L=1034m
- * Kênh tưới cấp 2 N5-TB Áp Bắc: L=2000m
- * Kênh tưới TB Đồng Vực: L=1000m
- * Kênh tưới TB Đào Xá: L=930m
- * Kênh tưới TB Ngọc Châu: L=1100m
- * Kênh tưới TB Quán Cháo- Cầu Tre: L=1370m
- * Kênh tiêu T2 trạm bơm Tam Đô: L=2021m
- * Kênh tưới tiêu T3:
 - Từ Quán Bạc về Nhân Lý: L=900m
 - Từ Nhân Lý về Áp Đạo: L=1841 m
 - Từ Áp Đạo về Bích Tràng: L=2962m
 - Từ Quán Bạc về T3 Minh Lý: L=1580m
- * Kênh tưới chính trạm bơm Ninh Đạo: L=800m
- * Kênh dẫn nước trạm bơm Vũ Dương: L=490m

4.2.6. An toàn giao thông: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng TCVN 5308- 1991. An toàn nổ - Yêu cầu chung - TCVN 3255-1986. An toàn cháy - Yêu cầu chung - TCVN 3254-1989

5. Danh sách các nhà thầu (Thiết kế, thi công, giám sát)

- Đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế bước lập dự án: Công ty cổ phần xây dựng Lê Hoàn.

- Đơn vị tư vấn khảo sát, lập thiết kế bước lập BVTC và dự toán xây dựng công trình: Liên doanh Công ty cổ phần tư vấn đầu tư phát triển và xây dựng hạ tầng và Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng công nghiệp HPC.

- Đơn vị tư vấn giám sát: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn đầu tư phát triển và xây dựng hạ tầng và Công ty cổ phần tư vấn Xây dựng và Môi trường đô thị;

- Đơn vị thi công: Liên Danh Công ty CPXD Đê Kè và PTNT Hải Dương và Công ty CPXD cây xanh Hà Đô;

6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành

- Ngày khởi công: 10/10/2017;

- Ngày hoàn thành: /4/2019.

7. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.

8. Chất lượng công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế: Đảm bảo.

9. Về việc đủ điều kiện để tiến hành nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng: Công trình đã hoàn thành đảm bảo yêu cầu thiết kế, đủ điều kiện để tiến hành nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng.

10. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.

Chủ đầu tư cam kết đã tổ chức thi công xây dựng đảm bảo theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt; tập hồ sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu công trình theo thẩm quyền./.

Nơi nhận: slm

- Sở NN&PTNT tỉnh Hưng Yên (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ban QLDA phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi huyện Ân Thi;
- Công ty CPXD Đê Kè và PTNT Hải Dương;
- Công ty CPXD cây xanh Hà Đô;
- Công ty CP tư vấn đầu tư Phát triển và Xây dựng hạ tầng;
- Công ty cổ phần tư vấn Xây dựng và Môi trường Đô Thị;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Cường